

PHỤ LỤC II: DANH SÁCH CÁC CHUYÊN ĐỀ GIÁM ĐỊNH QUÝ 2/2025

(Kèm theo Công văn số /TTKS-NV ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế điện tử)

STT	Mã CD	Mã lý do	Nội dung chuyên đề	Số tiền kiểm tra	Kỳ quyết toán
1	KT01_10	S.005.434	Thanh toán các Phẫu thuật cắt gan, không thanh toán thêm phẫu thuật cắt túi mật	69,454,021	4/2025 - 6/2025
2	KT01_12	S.005.434	Thanh toán các phẫu thuật cột sống, không thanh toán thêm phẫu thuật ghép xương	2,042,040	4/2025 - 6/2025
3	KT01_16	S.005.434	Thanh toán Phẫu thuật cắt ruột thừa không thanh toán thêm dịch vụ kỹ thuật dẫn lưu Douglas	3,345,840	4/2025 - 6/2025
4	KT01_18	S.005.434	Thanh toán dịch vụ nội soi can thiệp dạ dày tá - tràng không thanh toán thêm Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng	786,542,875	4/2025 - 6/2025
5	KT01_19	S.005.434	Thanh toán các dịch vụ kỹ thuật can thiệp ống tiêu hóa, không thanh toán thêm dịch vụ kỹ thuật Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm	225,897,097	4/2025 - 6/2025
6	KT01_2	S.005.434	Thanh toán các phẫu thuật mở sụn giáp dây thanh, không thanh toán thêm phẫu thuật mở khí quản	303,920	4/2025 - 6/2025
7	KT01_21	S.005.434	Thanh toán các dịch vụ kỹ thuật Nội soi tán sỏi niệu quản, không thanh toán thêm kỹ thuật Đặt ống thông niệu quản qua nội soi	47,547,483	4/2025 - 6/2025
8	KT01_22	S.005.434	Thanh toán Phẫu thuật nội soi cắt gan, cắt gan trái mở rộng, cắt thủy gan trái, không thanh toán thêm Phẫu thuật nạo vét hạch	8,295,539	4/2025 - 6/2025
9	KT01_3	S.005.434	Thanh toán Phẫu thuật cắt nang thừa tình một bên, không thanh toán thêm phẫu thuật thoát vị bẹn	20,936,164	4/2025 - 6/2025
10	KT01_4	S.005.434	Thanh toán xét nghiệm Vi khuẩn nuôi cấy định danh, không thanh toán thêm xét nghiệm Vi khuẩn nhuộm soi	667,499,214	4/2025 - 6/2025
11	KT01_5	S.005.434	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng đồng thời Phẫu thuật u não các loại	33,636,608	4/2025 - 6/2025
12	KT01_6	S.005.434	Thanh toán các Phẫu thuật dạ dày, không thanh toán thêm Phẫu thuật Nạo vét hạch	17,469,933	4/2025 - 6/2025
13	KT01_7	S.005.434	Thanh toán “Phẫu thuật khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng”, không thanh toán thêm phẫu thuật "Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu"	32,408,093	4/2025 - 6/2025
14	KT02p1	S.005.651	Thanh toán xét nghiệm HbA1C không đúng điều kiện thanh toán quy định tại STT 38 danh mục 2 Thông tư số 39/2024/TT-BYT	1,167,292,992	4/2025 - 6/2025
15	KT04	S.005.658	Không thanh toán dịch vụ Điều trị tủy răng khi không chụp Xquang xác định hệ thống ống tủy	3,192,360,888	1/2025 - 6/2025

STT	Mã CD	Mã lý do	Nội dung chuyên đề	Số tiền kiểm tra	Kỳ quyết toán
16	KT05	S.015.480	Thanh toán tiền giường ngoại khoa sau phẫu thuật không đúng phân loại phẫu thuật	502,118,434	1/2025 - 6/2025
17	KT08	T.008.667	Thanh toán sai tỷ lệ đối với phẫu thuật thứ 2 trở đi trong cùng một lần phẫu thuật	1,880,489,415	4/2025 - 6/2025
18	KT102	S.004.602	Thanh dịch vụ chạy thận nhân tạo, không thanh toán thêm thuốc chống đông hoạt chất Enoxaparin (natri) hoặc Heparin (natri)	810,544,352	4/2025 - 6/2025
19	KT104	S.001.646	Thanh toán dịch vụ “Nhuộm Giemsa trên mảnh cắt mô phát hiện HP” không đúng quy định	210,889,360	4/2025 - 6/2025
20	KT105	S.005.433	Dịch vụ “thay băng vết mổ có chiều dài trên 15cm đến 30cm” lần thứ 4 trở đi không đúng quy định đối với các trường hợp phẫu thuật mổ lấy thai	6,162,000	4/2025 - 6/2025
21	KT118	S.005.443	Thanh toán thuốc điều trị đích trong ung thư hoặc các dịch vụ tiêm/truyền hóa chất điều trị ung thư, không thanh toán thêm dịch vụ kỹ thuật “Điều trị đích trong ung thư” do không phát sinh thêm chi phí.	40,722,000	4/2025 - 6/2025
22	KT121	S.005.434	Thanh toán dịch vụ Nong và đặt stent động mạch vành, không thanh toán thêm dịch vụ Chụp Động mạch vành	202,509,945	4/2025 - 6/2025
23	KT128	S.005.434	Thanh toán dịch vụ Đặt stent động mạch vành, không thanh toán thêm dịch vụ Hút huyết	44,770,320	4/2025 - 6/2025
24	KT144	S.005.430	Thanh toán một số DVKT tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch, tháo bột, cắt chỉ, thay băng trong điều trị ngoại trú, không thanh toán trong điều trị nội trú.	154,102,809	4/2025 - 6/2025
25	KT147	S.005.416	Dịch vụ kỹ thuật vật lý trị liệu vượt quá số lượng quy định trong ngày điều trị	310,385,468	4/2025 - 6/2025
26	KT184	S.005.650	Thanh toán xét nghiệm AFB hơn 2 lần/ngày không đúng quy định tại Quyết định số 3126/QĐ-BYT	20,692,209	4/2025 - 6/2025
27	KT189_2	S.005.434	Thanh toán dịch vụ "thực hiện lập trình máy tạo nhịp", không thanh toán thêm dịch vụ điện tâm đồ	19,987,905	4/2025 - 6/2025
28	KT189_3	S.005.434	Thanh toán dịch vụ Rạch hoại tử bóng giải thoát chèn ép không thanh toán thêm dịch vụ thay băng bóng	14,841,061	4/2025 - 6/2025
29	KT189_4	S.005.434	Thanh toán dịch vụ Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bóng sâu, không thanh toán thêm dịch vụ thay băng bóng	5,893,200	4/2025 - 6/2025

STT	Mã CD	Mã lý do	Nội dung chuyên đề	Số tiền kiểm tra	Kỳ quyết toán
30	KT189_6	S.005.434	Thanh toán dịch vụ “Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm” hoặc “Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm”, không thanh toán thêm dịch vụ “đo khúc xạ giác mạc Javal”	29,806,403	4/2025 - 6/2025
31	KT189_7	S.005.434	Thanh toán dịch vụ “Thận nhân tạo cấp cứu”, không thanh toán thêm dịch vụ “Đặt catheter lọc máu cấp cứu”	544,706,090	4/2025 - 6/2025
32	KT189_8	S.005.434	Thanh toán dịch vụ “Hút dịch khớp gối”, không thanh toán thêm dịch vụ “Tiêm khớp gối; Thanh toán dịch vụ “Hút dịch khớp cổ tay, không thanh toán thêm dịch vụ “Tiêm khớp cổ tay”; Thanh toán dịch vụ “Hút dịch khớp háng”, không thanh toán thêm dịch vụ “Tiêm khớp háng”...	46,810,861	4/2025 - 6/2025
33	KT189_9	S.005.434	Thanh toán dịch vụ “Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và hai phần phụ”, không thanh toán thêm dịch vụ "Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ”	68,312,700	4/2025 - 6/2025
34	KT193	S.005.657	Thanh toán dịch vụ Monitoring sản khoa không đúng quy định	82,517,050	4/2025 - 6/2025
35	KT217	S.005.434	Thanh toán siêu âm hệ tiết niệu hoặc siêu âm tử cung phần phụ đồng thời với siêu âm ổ bụng	282,256,480	4/2025 - 6/2025
36	KT219	S.004.602	Thanh toán Oxy khi thanh toán đồng thời với kỹ thuật thở máy	13,752,953	4/2025 - 6/2025
37	KT221	S.015.478	Thanh toán số ngày giường điều trị nội trú không đúng quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 4c Thông tư số 35/2016/TT-BYT, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 39/2024/TT-BYT	2,279,434,776	4/2025 - 6/2025
38	KT223	S.013.458	Thanh toán tiền khám bệnh đối với người bệnh khám bệnh và vào điều trị nội trú tại khoa cấp cứu, không đúng quy định tại khoản 1 Điều 4b Thông tư số 35/2016/TT-BYT, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 39/2024/TT-BYT	419,277,257	4/2025 - 6/2025
39	KT226	S.005.434	Thanh toán dịch vụ xét nghiệm “Huyết đồ” không thanh toán thêm dịch vụ xét nghiệm “Hồng cầu lưới”	59,606,575	4/2025 - 6/2025
40	KT236	S.025.528	Thanh toán chi phí các dịch vụ kỹ thuật thủy châm do người chỉ định hoặc người thực hiện không đúng chức danh chuyên môn của người hành nghề được quy định tại Điều 11 Thông tư số 32/2023/TT-BYT	3,904,913,837	4/2025 - 6/2025

STT	Mã CD	Mã lý do	Nội dung chuyên đề	Số tiền kiểm tra	Kỳ quyết toán
41	KT237	S.014.795	Thanh toán giường điều trị nội trú ban ngày tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh YHCT không đúng quy định tại khoản 2 điều 1 Thông tư số 56/2024/TT-BYT và điểm d khoản 1 Điều 4c Thông tư số 35/2016/TT-BYT, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 39/2024/TT-BYT	10,381,750,230	4/2025 - 6/2025
42	KT25	S.005.649	Thanh toán dịch vụ “Bơm thông lệ đạo” đối với người bệnh không có bệnh chít hẹp điểm lệ, tắc lệ quản ngang hoặc ống lệ mũi.	108,899,040	4/2025 - 6/2025
43	KT32	S.005.655	Thanh toán dịch vụ Nội soi dạ dày hoặc tá tràng, không thanh toán thêm dịch vụ Xét nghiệm “Helicobacter pylori Ag test nhanh”.	25,803,070	4/2025 - 6/2025
44	KT45	S.005.649	Thanh toán dịch vụ PHCN trong điều trị thoái hóa cột sống cổ/cột sống thắt lưng: Hồng ngoại, đắp paraffin, ...không đúng hướng dẫn tại Quyết định số 3109/QĐ-BYT chẩn đoán, điều trị chuyên ngành PHCN	322,505,280	4/2025 - 6/2025
45	KT47	S.005.649	Thanh toán dịch vụ “Vận động trị liệu hô hấp” đối với người bệnh không mắc bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, bệnh lý phổi mãn tính khác giai đoạn ổn định	269,997,175	4/2025 - 6/2025
46	KT58	S.005.429	Thanh toán dịch vụ Đo mật độ xương không đúng khoảng cách quy định	161,909,398	4/2025 - 6/2025
47	KT63	S.004.605	Thanh toán thuốc có chứa hoạt chất Acid amin + glucose + lipid, Acid amin + glucose + lipid + điện giải không đúng tờ hướng dẫn sử dụng	1,607,402,698	4/2025 - 6/2025
48	KT64	S.005.658	Thanh toán DV Nội soi có sinh thiết (Nội soi thực quản dạ dày tá tràng, nội soi ổ bụng,...) nhưng không làm xét nghiệm giải phẫu mô bệnh học, điều chỉnh về mức giá của các DV nội soi không sinh thiết	458,000	4/2025 - 6/2025
49	KT79	S.005.653	Thanh toán các DVKT phục hồi chức năng đối với các trường hợp chống chỉ định cho người bệnh có khối u ác tính (ung thư)	165,067,903	4/2025 - 6/2025
50	KT84	S.005.653	Chỉ định dịch vụ Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng đối với bệnh nhân chẩn đoán suy tim	63,446,015	4/2025 - 6/2025
51	KT86	S.005.657	Thanh toán dịch vụ “Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học tức thì bằng phương pháp cắt lạnh” không đúng quy định	318,694,067	4/2025 - 6/2025
52	KT93	S.005.429	Thanh toán xét nghiệm “Định lượng Pro-calcitonin [Máu]” không đúng quy định	305,032,608	4/2025 - 6/2025

STT	Mã CD	Mã lý do	Nội dung chuyên đề	Số tiền kiểm tra	Kỳ quyết toán
53	KT95	S.005.434	Thanh toán dịch vụ Chọc sinh thiết u, hạch dưới hướng dẫn siêu âm, Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm, Tiêm khớp dưới hướng dẫn siêu âm... không thanh toán thêm dịch vụ Siêu âm	53,033,432	4/2025 - 6/2025
54	TH01	S.004.369	Thanh toán thuốc chứa hoạt chất Peptid không đúng quy định	103,486,121	4/2025 - 6/2025
55	TH04	S.004.604	Thanh toán thuốc Xatral (số đăng ký VN-14355-11, VN-5617-10) không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	270,186,861	4/2025 - 6/2025
56	TH06	S.004.369	Thanh toán thuốc chứa hoạt chất Amoxicilin + sulbactam không đúng quy định	215,707,032	4/2025 - 6/2025
57	TH107	S.004.351	Thuốc có hoạt chất Tenofovir alafenamide, không thuộc danh mục thanh toán BHYT tại Thông tư số 20/2022/TT-BYT	108,000	4/2025 - 6/2025
58	TH14	S.004.369	Thanh toán thuốc chứa hoạt chất Vinpocetin (đường uống, tiêm) không đúng quy định	156,747,650	4/2025 - 6/2025
59	TH15	S.004.369	Thanh toán thuốc Acid thioctic đường tiêm không đúng quy định	18,289,325	4/2025 - 6/2025
60	TH19	S.004.369	Thanh toán thuốc ginkgo biloba chỉ định không đúng quy định	1,676,680,927	4/2025 - 6/2025
61	TH21	S.004.369	Thanh toán thuốc Diacerein cho bệnh nhân từ 65 tuổi trở lên hoặc không có thoái hóa khớp gối/khớp hông, mắc bệnh gan, không đúng hướng dẫn tại Công văn số 5543/QLD-ĐK ngày 27/3/2015 của Cục Quản lý Dược về cập nhật thông tin dược lý đối với chế phẩm chứa Diacerein	189,881,003	4/2025 - 6/2025
62	TH28	S.004.604	Thanh toán hoạt chất Moxifloxacin không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	135,176,554	4/2025 - 6/2025
63	TH32	S.004.369	Thanh toán thuốc Alphachymotrypsin chỉ định sử dụng không đúng quy định	111,904,680	4/2025 - 6/2025
64	TH34	S.004.604	Thanh toán hoạt chất Famotidine không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	46,238,077	4/2025 - 6/2025
65	TH51	S.004.369	Thanh toán Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành chỉ định sử dụng không đúng quy định	417,219,120	4/2025 - 6/2025

STT	Mã CD	Mã lý do	Nội dung chuyên đề	Số tiền kiểm tra	Kỳ quyết toán
66	TH60	S.004.604	Thanh toán thuốc có hoạt chất Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	176,252,931	4/2025 - 6/2025
67	TH62	S.004.604	Thanh toán thuốc Aminoleban không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	51,850,480	4/2025 - 6/2025
68	TH65	S.004.604	Thanh toán thuốc có hoạt chất Sylimarín (mã thuốc 40.751): thuốc Silygamma, Carsil 90mg, Fynkhepar không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	420,623,920	4/2025 - 6/2025
69	TH72	S.004.369	Thanh toán các thuốc chứa hoạt chất Omeprazol; Esomeprazol; Pantoprazol; Rabeprazol không đúng quy định	2,364,376,283	4/2025 - 6/2025
70	TH73	S.004.604	Thanh toán thuốc Bidilucil không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	139,013,821	4/2025 - 6/2025
71	TH75	S.004.604	Thanh toán thuốc Tadimax không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	220,394,901	4/2025 - 6/2025
72	TH77	S.004.605	Thanh toán thuốc Melanov-M, số đăng ký VN-20575-17 không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	776,120,135	4/2025 - 6/2025
73	TH81	S.004.605	Thanh toán thuốc Neutrivit (VD-20671-14) và thuốc Savi 3b (VD-30494-18) không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	2,111,667	4/2025 - 6/2025
74	TH84	S.004.367	Thanh toán thuốc chứa hoạt chất Lysin+Vitamin+ Khoáng chất không đúng quy định	19,869,964	4/2025 - 6/2025
75	TH85	S.004.605	Thanh toán thuốc Procoralan 5mg (VN-15960-12, VN-15961-12, VN-21893-19); Procoralan 7,5mg (VN-21894-19) không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	128,579,081	4/2025 - 6/2025
76	TH88	S.004.369	Thanh toán thuốc chứa hoạt chất Zoledronic acid không đúng quy định	2,075,174,058	4/2025 - 6/2025
77	TH90	S.004.605	Thanh toán chi phí thuốc Tioga (VD-29197-18) không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	156,837,841	4/2025 - 6/2025

STT	Mã CD	Mã lý do	Nội dung chuyên đề	Số tiền kiểm tra	Kỳ quyết toán
78	TH91	S.004.605	Thanh toán thuốc Phalintop VD-24094-16 không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	8,890,610	4/2025 - 6/2025
79	TH97	S.004.605	Thanh toán thuốc Diclofenac không đúng điều kiện chỉ định theo nội dung tại Phụ lục III Công văn số 5749/QLD-ĐK ngày 27/4/2017 của Cục Quản lý Dược về cập nhật hướng dẫn sử dụng	136,969,756	4/2025 - 6/2025
80	TH98	S.004.605	Thanh toán thuốc Caldihasan, Calcidvn, Abricotis... (mã chi phí 40.1033) không đúng với tờ hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép	130,454,770	4/2025 - 6/2025
			Tổng cộng	42,163,680,649	